

Bản án số: 11/2020/HNGĐ-ST.

Ngày: 05/3/2020.

Về việc: “Xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lê Văn An**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Phạm Hồng Gái

2. Ông Võ Thanh Bình

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà **Đỗ Thị Mộng Trinh** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên tòa:*** Không.

Trong ngày 05 tháng 3 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 479/2019/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2019 về việc: “*Xin ly hôn và nuôi con*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2020/QĐST - HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2020 giữa các đương sự:

1/ *Nguyên đơn:* Chị **Trần Kim T**, sinh năm 1981 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Sơn Hòa, xã NTS, huyện HĐ, tỉnh KG.

2/ *Bị đơn:* Anh **Vũ Đức P**, sinh năm 1975 (vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Sơn Hòa, xã NTS, huyện HĐ, tỉnh KG.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Kim T trình bày như sau:***

- Về hôn nhân: Sau thời gian quen biết, tìm hiểu và yêu thương nhau thì chị Trần Kim T và anh Vũ Đức P được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang ngày 10/7/2000. Thời gian đầu anh chị chung sống với nhau rất hạnh phúc. Tuy nhiên hơn 07 năm nay giữa chị T và anh P bắt đầu P sinh mâu thuẫn, có khi xảy ra xô

xát, nguyên nhân là do anh P ít khi lo lắng cho gia đình, thường xuyên tham gia đánh bạc bằng hình thức đá gà. Chị T đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh P không thay đổi. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn và không thể hàn gắn được nên chị T và anh P đã ly thân với nhau hơn 04 năm nay. Hiện tại chị T và anh P không còn liên lạc, không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa.

Nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt được mục đích nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh Vũ Đức P.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị T và anh P có 04 người con chung tên Vũ Thị Hồng Anh, sinh năm 2000, Vũ Thị Kim Lan, sinh năm 2014, Vũ Đức Tài, sinh năm 2005 và Vũ Đức Triển, sinh năm 2007. Hiện chị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con chung. Ly hôn chị T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Vũ Thị Kim Lan, Vũ Đức Tài và Vũ Đức Triển. Riêng cháu Vũ Thị Hồng Anh đã trưởng thành nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Quá trình chung sống chị T và anh P có tạo lập được một số tài sản chung. Tuy nhiên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết do chị và anh P đã tự thỏa thuận với nhau.

- Về nợ chung: Chị T trình bày quá trình chung sống chị và anh P không có nợ ai và không cho ai vay nợ. Ngoài ra chị T không trình bày gì thêm.

** Tại Bản tự khai ngày 06/02/2020 bị đơn anh Vũ Đức P trình bày như sau:*

Anh P và chị T được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2000. Trong thời gian chung sống thì anh chị có 4 người con chung tên Vũ Thị Hồng Anh, Vũ Thị Kim Lan, Vũ Đức Tài và Vũ Đức Triển. Anh và chị T P sinh mâu thuẫn do vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau. Hai vợ chồng đã ly thân với nhau hơn 3 năm nay. Nay chị T yêu cầu ly hôn với anh P thì anh không đồng ý, nếu chị T nhất quyết ly hôn thì anh P cũng đồng ý ly hôn. Về con chung: các con muốn ở với ai thì người đó nuôi, không phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung vợ chồng tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nợ chung không có nợ ai. Ngoài ra anh P không trình bày gì thêm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Trần Kim T yêu cầu được ly hôn với bị đơn anh Vũ Đức P. Anh P cư trú trên địa bàn huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Xét thấy đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Anh Vũ Đức P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] *Về nội dung vụ án*:

[3.1] *Về hôn nhân*: Qua thời gian yêu thương, chị T và anh P kết hôn với nhau vào năm 2000 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang vào ngày 10/7/2000 nên hôn nhân giữa chị T và anh P là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Theo lời khai của chị T và anh P trình bày trong quá trình chung sống giữa chị T và anh P có P sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau. Hiện tại chị T và anh P đã ly thân với nhau hơn 04 năm nay, anh chị không còn quan tâm, chăm sóc nhau nữa nên chị T yêu cầu được ly hôn với anh P.

Xét thấy do bất đồng quan điểm sống nên trong quá trình chung sống chị T và anh P thường xuyên bất hòa. Bên cạnh đó, tại bản tự khai ngày 06/02/2020 anh P cũng đồng ý ly hôn nếu chị T đã kiên quyết muốn ly hôn. Như vậy có căn cứ xác định mâu thuẫn giữa chị T và anh P đã đến mức trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không đạt được mục đích. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3.2] *Về con chung*: Chị T và anh P xác định trong quá trình chung sống anh chị có với nhau bốn người con chung tên Vũ Thị Hồng Anh, sinh năm 2000; Vũ Thị Kim Lan, sinh năm 2014; Vũ Đức Tài, sinh năm 2005 và Vũ Đức Triển, sinh năm 2007. Ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lan, cháu Tài và cháu Triển đến tuổi trưởng thành. Riêng cháu Hồng Anh đã trên 18 tuổi nên chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết. Theo bản tự khai anh P không yêu cầu được nuôi con mà để cho các con tự quyết định, nếu các con muốn ở với chị T thì chị T có trách nhiệm nuôi con và anh không cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy cháu Vũ Thị Kim Lan, cháu Vũ Đức Tài và cháu Vũ Đức Triển đang được chị T chăm sóc, nuôi dưỡng và P triển bình thường, anh P không có yêu cầu nuôi dưỡng các con chung. Do đó, để đảm bảo ổn định cuộc sống của các cháu, giúp cháu P triển tốt về mặt thể chất cũng như tinh thần và phù hợp với nguyện vọng của các con. Hội đồng xét xử giao cháu Lan, cháu Tài và cháu Triển cho chị T tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng theo quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Đối với cháu Vũ Thị Hồng Anh, sinh năm 2000, hiện đang trên 18 tuổi nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị T không yêu cầu anh P phải cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.3] *Về tài sản chung*: Chị T và anh P có tạo lập được một số tài sản chung nhưng anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[3.4] *Về nợ chung*: Chị T và anh P trình bày không có nợ ại, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[4] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị Trần Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 51; 58; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:** Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Kim T.

1/. Về hôn nhân: Chị Trần Kim T được ly hôn với anh Vũ Đức P.

Giấy chứng nhận kết hôn số 14 ngày 10/7/2000 do Ủy ban nhân dân xã Nam Thái Sơn, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang cấp cho chị Trần Kim T và anh Vũ Đức P không còn giá trị pháp lý.

2/. Về con chung: Chị Trần Kim T được trực tiếp nuôi dưỡng các con chung tên Vũ Thị Kim Lan, sinh năm 2014; Vũ Đức Tài, sinh năm 2005 và Vũ Đức Triển, sinh năm 2007. Anh Vũ Đức P không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Vũ Đức P có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

4/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : Chị Trần Kim T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số

tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0009174 ngày 12/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị Trần Kim T đã nộp đủ án phí.

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An